

Số: 260 /BC-UBND

Đắk Nông, ngày 19 tháng 4 năm 2024

## BÁO CÁO

### Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý I năm 2024

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu (chi tiết tại các Biểu số 59/CK-NSNN, 60/CK-NSNN, 61/CK-NSNN đính kèm) và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Đắk Nông 03 tháng đầu năm 2024, cụ thể như sau:

#### I. Thu Ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn:

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện 03 tháng đầu năm 2024 là 791 tỷ đồng, đạt 27% dự toán Trung ương, 24% dự toán địa phương, giảm 1% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (Chi tiết như Biểu số 60/CK-NSNN), bao gồm:

1. Thu nội địa 756 tỷ đồng, đạt 27% dự toán Trung ương, 24% dự toán địa phương, bằng cùng kỳ năm trước. Thống kê sơ bộ (trên cơ sở kết quả thu NSNN Quý I/2024) có 01 khoản thu (thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) không đạt tiến độ (dưới 25% dự toán) theo dự toán Trung ương giao giao; 04 khoản thu không đạt tiến độ theo dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, gồm: thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý; thu tiền sử dụng đất; tiền cho thuê đất, thuê mặt nước; thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Tình hình thực hiện các khoản thu, sắc thuế cụ thể như sau:

a) Khu vực Doanh nghiệp nhà nước 131 tỷ đồng, đạt 24% dự toán, bằng 74% so với cùng kỳ năm trước. Số thu thấp hơn cùng kỳ năm trước chủ yếu là do giảm thu ở một số doanh nghiệp lớn như Chi nhánh nhà máy Alumin Nhân Cơ - Vinacomin; Công ty thủy điện Buôn Kuốp; Công ty thủy điện Đồng Nai;...

b) Khu vực Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thu 23 tỷ đồng, đạt 42% dự toán, bằng 90% so với cùng kỳ.

c) Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh thu 205 tỷ đồng, đạt 27% dự toán,

bằng 91% so với cùng kỳ năm trước. Số thu tập trung phần lớn ở các đơn vị thủy điện, trong đó đóng góp nhiều nhất là Công ty thủy điện Đắk Rtih 35 tỷ đồng, Công ty CP điện lực 3 nộp 7 tỷ đồng, Công ty CP thủy điện VRG 4 tỷ đồng...

d) Thuế Thu nhập cá nhân 84 tỷ đồng, đạt 36% dự toán, tăng 24% so với cùng kỳ năm trước. Số thu chủ yếu từ thuế TNCN từ tiền lương, tiền công do thời điểm các đơn vị chi trả lương, thưởng cho người lao động dẫn đến số thu từ thuế TNCN từ tiền lương tiền công nhiều (35 tỷ đồng).

e) Lệ phí trước bạ 39 tỷ đồng, đạt 25% dự toán, bằng 93% so với cùng kỳ. Trong đó lệ phí trước bạ ô tô 18 tỷ đồng; lệ phí trước bạ nhà đất 8 tỷ đồng.

g) Thuế Bảo vệ môi trường 35 tỷ đồng, đạt 28% dự toán, bằng 124% so với cùng kỳ năm trước.

h) Xổ số kiến thiết 12 tỷ đồng, đạt 36% dự toán, bằng 130% so với cùng kỳ năm trước.

i) Phí và Lệ phí 51 tỷ đồng, đạt 27% dự toán, bằng 66% so với cùng kỳ năm trước.

k) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 2 tỷ đồng, đạt 3% dự toán, bằng 70% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân thu thấp do chưa tới thời hạn nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kỳ thứ nhất nộp chậm nhất vào ngày 31/5/2024).

l) Thu tiền cho thuê đất 3 tỷ đồng, đạt 12% dự toán, bằng 70% cùng kỳ. Nguyên nhân thu thấp do chưa tới thời hạn nộp tiền thuê đất (kỳ thứ nhất nộp chậm nhất vào ngày 31/5/2024).

2. Thu xuất nhập khẩu thực hiện 33 tỷ đồng, đạt 24% dự toán, giảm 23% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Trong đó, phần lớn nguồn thu từ xuất khẩu Alumin; nguồn thu từ hoạt động nhập khẩu thiết bị điện gió giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước.

3. Thu huy động đóng góp là 2,7 tỷ đồng.

\* Nhìn chung, tình hình thu NSNN trên địa bàn 03 tháng đầu năm 2024 cơ bản đảm bảo tiến độ theo dự toán được giao (đạt 24% dự toán trong Quý I).

## **II. Chi ngân sách địa phương (NSDP):**

Tổng chi ngân sách địa phương 03 tháng đầu năm 2024 là 2.865 tỷ đồng, đạt 32% dự toán.

1. Chi đầu tư phát triển 1.694 tỷ đồng (bao gồm các khoản chi từ nguồn chuyển nguồn năm trước sang), đạt 57% dự toán. Riêng tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 vẫn còn khá khiêm tốn và đạt trên 10% kế hoạch vốn giao.

2. Chi thường xuyên 1.170 tỷ đồng, đạt 20% dự toán, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề 523 tỷ đồng, đạt 25% dự toán; chi sự nghiệp khoa học, công nghệ 6,7 tỷ đồng, đạt 38% dự toán.



\* Nhìn chung, công tác quản lý chi NSDP 03 tháng đầu năm 2024 cơ bản được kiểm soát chặt chẽ, đáp ứng kịp thời cho các nhiệm vụ an ninh - quốc phòng, an sinh xã hội của địa phương, tuy nhiên một số nhiệm vụ đặc thù cũng như công tác giải ngân các dự án đầu tư công còn chậm triển khai.

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 03 tháng đầu năm 2024 của tỉnh Đắk Nông./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Cơ quan Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (TT).

1

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Chiến**

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 260/BC-UBND ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Thực hiện 03 tháng	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
A	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	8.967.726	4.418.372	49	131
I	<b>Thu cân đối NSDP</b>	2.983.000	719.819	24	99
1	Thu nội địa	2.983.000	719.819	24	99
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ				
II	Thu huy động đóng góp		2.670		156
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	59.751	1.041.365	1.743	124
IV	Thu kết dư ngân sách		0		-
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		337		73
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.924.975	2.654.180	45	148
B	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	8.985.126	2.865.229	32	103
1	Chi đầu tư phát triển	2.950.009	1.693.732	57	98
2	Chi thường xuyên	5.893.254	1.170.323	20	113
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.500	175	5	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100	
5	Dự phòng ngân sách	137.363			
6	Chi tạo nguồn CCTL				
C	<b>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP</b>	17.400			
D	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>				



12

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2024  
 (Kèm theo Báo cáo số 260/BC-UBND ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán 2024 TW giao	Dự toán 2024 ĐP giao	Thực hiện 03 tháng	So sánh thực hiện với (%)		
					Dự toán TW	Dự toán ĐP	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>2.948.000</b>	<b>3.300.000</b>	<b>790.836</b>	<b>27</b>	<b>24</b>	<b>99</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>2.813.000</b>	<b>3.165.000</b>	<b>755.628</b>	<b>27</b>	<b>24</b>	<b>100</b>
1	Thu từ khu vực DNNN TW quản lý	540.000	540.000	123.060	23	23	70
2	Thu từ khu vực DNNN ĐP quản lý	17.000	17.000	7.972	47	47	137
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	56.000	56.000	23.330	42	42	90
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	750.000	750.000	204.717	27	27	91
5	Thuế thu nhập cá nhân	230.000	230.000	83.918	36	36	124
6	Thuế bảo vệ môi trường	125.000	125.000	35.326	28	28	127
7	Lệ phí trước bạ	155.000	155.000	38.500	25	25	93
8	Các loại phí, lệ phí	190.000	190.000	51.230	27	27	66
9	Các khoản thu về nhà, đất	522.700	872.700	115.215	22	13	157
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	700	700	208	30	30	98
-	Thu tiền sử dụng đất	500.000	850.000	112.284	22	13	162
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	22.000	22.000	2.723	12	12	70
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN						
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	90.000	90.000	2.300	3	3	70
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước			208			
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	32.000	32.000	11.634	36	36	130
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
14	Thu khác ngân sách	105.000	107.000	58.217	55	54	224
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>						
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>135.000</b>	<b>135.000</b>	<b>32.538</b>	<b>24</b>	<b>24</b>	<b>77</b>
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	19.000	19.000	5.044	27	27	188
2	Thuế xuất khẩu	110.000	110.000	27.467	25	25	87
3	Thuế nhập khẩu	6.000	6.000	26			
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>						
<b>V</b>	<b>Thu huy động đóng góp</b>			<b>2.670</b>			<b>156</b>
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>2.632.200</b>	<b>2.983.000</b>	<b>719.819</b>	<b>27</b>	<b>24</b>	<b>99</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	1.216.500	1.216.500	230.851	19	19	57
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.415.700	1.766.500	488.968	35	28	150



✓

**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2024**  
(Kèm theo Báo cáo số **290** BC-UBND ngày **19** /10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Thực hiện 03 tháng	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>8.985.126</b>	<b>2.865.229</b>	<b>32</b>	<b>103</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>2.950.009</b>	<b>1.693.732</b>	<b>57</b>	<b>98</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.745.009	1.693.732	62	98
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	205.000			
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>5.893.254</b>	<b>1.170.323</b>	<b>20</b>	<b>113</b>
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.130.702	522.864	25	120
2	Chi khoa học và công nghệ	17.710	6.706	38	70
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		119.556		106
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		17.735		91
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		7.945		101
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		3.705		171
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		7.256		82
8	Chi sự nghiệp kinh tế		98.885		92
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		279.665		115
10	Chi bảo đảm xã hội		43.296		90
<b>III</b>	<b>Chi trả lãi các khoản vay</b>	<b>3.500</b>	<b>175</b>	<b>5</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi tạo nguồn thực hiện CCTL</b>				
<b>V</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
<b>VI</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>137.363</b>			

